

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với sản phẩm rừng tự nhiên
và Bảng giá tính thuế các loại lâm sản rừng trồng, vườn trồng
trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ
và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*
*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6
năm 2015;*
*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản
quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*
Căn cứ Luật Thuế tài nguyên ngày 25 tháng 11 năm 2009;
*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế ngày 26
tháng 11 năm 2014;*
Căn cứ Luật Thuế sử dụng đất nông nghiệp ngày 10 tháng 7 năm 1993;
*Căn cứ Nghị định số 74-CP ngày 25 tháng 10 năm 1993 của Chính phủ
về việc quy định chi tiết thi hành luật Thuế sử dụng đất nông nghiệp;*
*Căn cứ Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của
Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật
Thuế tài nguyên;*
*Căn cứ Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của
Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều
của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;*
*Căn cứ Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 của
Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn về thuế tài nguyên;*
*Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2016 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 7 Thông tư số 152/2015/TT-BTC
ngày 02 tháng 10 năm 2015 hướng dẫn về thuế tài nguyên;*
*Căn cứ Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính về Quy định khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm,
loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau;*

Căn cứ Thông tư số 05/2020/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Quy định khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau;

Căn cứ Thông tư số 41/2024/TT-BTC ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau và Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 5320/TTr-STC ngày 16 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với sản phẩm rừng tự nhiên và Bảng giá tính thuế các loại lâm sản rừng trồng, vườn trồng, như sau:

1. Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với sản phẩm rừng tự nhiên (*Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này*).
2. Bảng giá tính thuế các loại lâm sản rừng trồng, vườn trồng để làm căn cứ tính thuế sử dụng đất nông nghiệp (*Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này*).

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng Bảng giá

1. Mức giá quy định tại Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với sản phẩm rừng tự nhiên, Bảng giá tính thuế các loại lâm sản rừng trồng, vườn trồng tại Phụ lục I, II của Điều 1 Quyết định này là mức giá để tính thuế tài nguyên, tính thuế sử dụng đất nông nghiệp theo quy định của pháp luật hiện hành, không có giá trị thanh toán đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh các sản phẩm từ rừng tự nhiên.
2. Trường hợp giá tài nguyên ghi trên hóa đơn bán hàng hợp pháp cao hơn hoặc bằng giá tài nguyên quy định tại các Bảng giá này, giá tính thuế là giá ghi trên hóa đơn bán hàng; trường hợp giá tài nguyên ghi trên hóa đơn bán hàng thấp hơn giá quy định tại Bảng giá này, thì áp dụng giá theo các Bảng giá này để tính thuế tài nguyên.
3. Đối với các loại tài nguyên có trong khung giá tính thuế tài nguyên được ban hành kèm theo Thông tư số 05/2020/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau nhưng chưa được quy định tại các Bảng giá tính thuế tài

nguyên ban hành kèm theo Quyết định này thì giá tính thuế tài nguyên là mức giá tối thiểu của khung giá tính thuế tài nguyên ban hành kèm theo Thông tư số 05/2020/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 3. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

2. Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tư pháp; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Vụ pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (b/c);
- Vụ pháp chế - Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Tổng cục Thuế - Bộ Tài chính (b/c);
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính (b/c);
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh (b/c);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh (b/c);
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh (b/c);
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Báo Kon Tum; Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- VP UBND tỉnh: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, NNTN.VĐH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Ngọc Tuấn